

CHƯƠNG TRÌNH

hành động thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới

Thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới (gọi tắt là Nghị quyết 20-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai xây dựng Chương trình hành động thực hiện, cụ thể như sau:

I- TÌNH HÌNH CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ NÂNG CAO SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh có nhiều tiến bộ, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển. Cơ sở vật chất, trang thiết bị của ngành y tế từng bước được đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân. Đội ngũ cán bộ y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo ở tất cả các tuyến, nhất là đội ngũ bác sĩ, nếu như năm 2011 chỉ có 5,78 bác sĩ/vạn dân và 60% xã có bác sĩ thì đến năm 2017 đạt 7,69 bác sĩ/vạn dân và 88% xã có bác sĩ.

Công tác y tế dự phòng triển khai có hiệu quả. Nhiều dịch bệnh được khống chế, đẩy lùi, từng bước khống chế các bệnh xã hội và bệnh dịch nguy hiểm. Dịch hạch, dịch tả, bại liệt nhiều năm liền không xảy ra, tình hình mắc và tử vong do sốt rét giảm đáng kể; công tác tiêm chủng được triển khai thường xuyên; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi giảm dần qua từng năm. Công tác khám, chữa bệnh ngày càng tiến bộ, đảm bảo được khả năng khám, chữa bệnh, cấp cứu cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế dễ dàng hơn, đặc biệt là các chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số, người cao tuổi và các đối tượng chính sách được chú trọng. Các chỉ số

về sức khỏe được cải thiện đáng kể. Trong đó, tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi từ 21% năm 2011 giảm xuống còn 15,5% năm 2017, tử vong trẻ dưới 5 tuổi từ 31% năm 2011 giảm xuống còn 25% năm 2017; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi từ 36,1% năm 2011 giảm xuống còn 35% năm 2017; tỷ lệ trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin từ 94,8% năm 2011 tăng lên 97% vào năm 2017. Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế năm 2017 đạt 88% (năm 2011: 63,8%).

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, như:

- Nguồn nhân lực ngành y tế của tỉnh thời gian qua được quan tâm củng cố nhưng vẫn còn thiếu cán bộ y tế chuyên khoa sâu và cán bộ thuộc lĩnh vực y tế dự phòng, như: Lao, phong, tâm thần. Chất lượng dịch vụ y tế, nhất là ở tuyến cơ sở tuy được cải thiện căn bản nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển. Cơ sở hạ tầng y tế một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu, trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đồng bộ. Công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế còn hạn chế.

- Một số bệnh truyền nhiễm, như: Sốt xuất huyết, tay, chân, miệng mặc dù tỷ lệ mắc có giảm qua các năm nhưng vẫn còn xảy ra ở các địa phương; các bệnh có vắc xin phòng ngừa vẫn có nguy cơ bùng phát trở lại, như: Sởi, bạch hầu, ho gà, viêm gan B. Các vi phạm về an toàn vệ sinh thực phẩm vẫn diễn ra phổ biến. Các chỉ số về sức khỏe tuy có cải thiện nhưng vẫn còn thấp so với cả nước và khu vực.

- Quản lý nhà nước đối với lĩnh vực hành nghề y, dược tư nhân còn nhiều hạn chế. Các cơ sở hành nghề nói chung chưa được đưa vào tổ chức thích hợp để tạo thuận lợi cho việc quản lý về chuyên môn. Việc thu thập thông tin đầy đủ về hành nghề y, dược tư nhân cũng như việc quản lý và giám sát chất lượng dịch vụ của y, dược tư nhân còn nhiều khó khăn, yếu kém. Số lượt khám, chữa bệnh của người dân bình quân trong năm còn thấp.

3. Nguyên nhân

- Nhận thức về vai trò, vị trí của công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân có nơi, có lúc còn chưa đầy đủ, sâu sắc.

- Chất lượng nguồn nhân lực chưa cao, nhất là ở tuyến cơ sở.

- Nhận thức của một số người dân về việc tự bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho bản thân, gia đình và cộng đồng còn thấp.

- Nguồn lực tài chính chưa đáp ứng yêu cầu phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, thu nhập của người dân còn thấp, trong khi nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng cao, đa dạng; yêu cầu đầu tư cho y tế lớn... Chưa có những giải pháp hữu hiệu để huy động các

nguồn lực cho công tác chăm sóc sức khỏe nói chung và công tác xây dựng hạ tầng y tế nói riêng.

- Hệ thống cung ứng dịch vụ y tế chưa đáp ứng được nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong điều kiện kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, yêu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân ngày càng tăng, cơ cấu bệnh tật thay đổi, biến đổi khí hậu, già hóa dân số. Thiếu các cơ sở chăm sóc sức khỏe người già, các bệnh không lây nhiễm. Công tác thanh tra, kiểm tra còn nhiều hạn chế do đội ngũ thanh tra y tế mỏng, nhất là tuyến huyện; một số vi phạm xảy ra còn chậm phát hiện và xử lý, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà thuốc tư nhân, phòng khám tư nhân và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Quán triệt đầy đủ, sâu rộng nội dung của Nghị quyết 20-NQ/TW tới các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và mỗi người dân nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe trên địa bàn tỉnh. Xác định bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đòi hỏi sự tham gia tích cực của các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các ngành, trong đó ngành y tế là nòng cốt.

- Xây dựng hệ thống y tế của tỉnh theo hướng công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập theo phương châm “phòng bệnh hơn chữa bệnh”; y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng; y tế chuyên sâu đồng bộ và cân đối với y tế cộng đồng; gắn kết y học cổ truyền với y học hiện đại, quân y và dân y.

- Hướng tới thực hiện bao phủ chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; mọi người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe; được bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tham gia bảo hiểm y tế và thụ hưởng các dịch vụ y tế.

- Xác định rõ vai trò nghề y là một nghề đặc biệt. Nhân lực y tế phải đáp ứng yêu cầu chuyên môn và y đức; cần được tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ phù hợp. Hệ thống mạng lưới y tế phải rộng khắp, gần dân; được chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành từ Trung ương tới địa phương; đồng thời, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao sức khỏe cả về thể chất và tinh thần, tâm vóc, tuổi thọ, chất lượng cuộc sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Xây dựng hệ thống y tế tỉnh Gia Lai theo hướng công bằng, chất lượng, hiệu quả và hội nhập quốc tế. Bảo đảm mọi

người dân đều được quản lý, chăm sóc sức khỏe. Xây dựng đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng yêu cầu chuyên môn và y đức.

2.2. Mục tiêu cụ thể

*** Đến năm 2025**

- Tuổi thọ trung bình khoảng 73 tuổi.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số.
- Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 97% với 12 loại vắc xin. Giảm tỷ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn 22,5‰; dưới 1 tuổi còn 13,5‰.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 28%.
- Phần đầu trên 90% dân số được quản lý sức khỏe; 95% trạm y tế tuyến xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.
- Đạt 28 giường bệnh viện, 09 bác sĩ, 01 dược sĩ đại học, 22 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 10%. 100% xã có bác sĩ.
- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 80%.
- Các chỉ số sức khỏe phần đầu đạt gần hoặc bằng so với mức chung của cả nước, như: Số năm sống khỏe tối thiểu 67 năm; tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành dưới 12%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 167 cm, nữ 156 cm. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế giảm còn 35%.

*** Đến năm 2030**

- Tuổi thọ trung bình khoảng 73,5 tuổi.
- Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế trên 95% dân số.
- Bảo đảm tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt tối thiểu 97% với 14 loại vắc xin. Giảm tỷ suất tử vong trẻ em: Dưới 5 tuổi còn dưới 20‰; dưới 1 tuổi còn dưới 11‰.
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi dưới 23%.
- Phần đầu trên 95% dân số được quản lý sức khỏe; 100% trạm y tế tuyến xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm.
- Đạt 30 giường bệnh viện, 10 bác sĩ, 1,5 dược sĩ đại học, 25 điều dưỡng viên trên 10.000 dân. Tỷ lệ giường bệnh tư nhân đạt 15%.
- Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế đạt trên 90%.
- Cơ bản khống chế, đẩy lùi các dịch bệnh AIDS, lao và sốt rét.
- Các chỉ số sức khỏe phần đầu đạt gần hoặc bằng so với mức chung của cả nước, như: Số năm sống khỏe tối thiểu 68 năm; tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành

dưới 10%. Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đạt 168,5 cm đối với nam, nữ 157,5 cm. Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế giảm còn 30%.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể chính trị - xã hội và của toàn xã hội trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, học tập, quán triệt sâu rộng các nội dung Nghị quyết 20-NQ/TW nhằm thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động của cả hệ thống chính trị và của mỗi người dân trong bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho bản thân, gia đình, cộng đồng.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, coi đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân các cấp. Đẩy mạnh công tác tham mưu và tổ chức thực hiện những văn bản pháp quy của ngành y tế. Tăng cường công tác cải cách hành chính, cắt bỏ những thủ tục không cần thiết. Rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu về y tế và các lĩnh vực ảnh hưởng đến sức khỏe, như: Môi trường, thể dục, thể thao, văn hóa... vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, xã, các ngành, các cấp. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chế độ, chính sách về y tế và các lĩnh vực liên quan tới sức khỏe.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp và cả cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Phân công trách nhiệm cụ thể, rõ ràng đối với từng ngành, từng cơ quan, đoàn thể trong thực hiện các mục tiêu, giải pháp bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, trước hết là trong bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn minh, tham gia bảo hiểm y tế toàn dân và thực hiện các quy định về phòng dịch, phòng và chữa bệnh.

- Đa dạng hóa các loại hình truyền thông phù hợp với từng đối tượng, từng dân tộc, từng vùng, miền để nhân dân tự giác và tích cực tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe. Đẩy mạnh các phong trào, các cuộc vận động có các nội dung, tiêu chí liên quan tới công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, như: Vệ sinh yêu nước, rèn luyện thân thể, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng làng sức khỏe... Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát huy vai trò giám sát của mình và huy động các tổ chức xã hội, tôn giáo tham gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Nâng cao sức khỏe nhân dân

- Tập trung nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, đề cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mỗi người dân. Quan tâm các điều kiện để mỗi người dân được bảo vệ, nâng cao sức khỏe, đặc biệt là ở vùng nông thôn, miền núi.

- Tập trung nguồn lực triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh. Triển khai các chương trình, dự án và các giải pháp can thiệp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao thể lực và thể chất của người dân; chăm sóc và dinh dưỡng hợp lý cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú và trẻ em...

- Phát triển sản xuất sạch, cung cấp nguồn dinh dưỡng sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho nhân dân. Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm. Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra xử lý vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm. Thực hiện nghiêm các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thực phẩm. Nâng cao năng lực phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Củng cố hệ thống cảnh báo và phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm. Tập trung chỉ đạo công tác phòng, chống và cai nghiện ma túy. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm giảm tiêu thụ rượu, bia, thuốc lá.

- Đổi mới căn bản giáo dục thể chất, tâm lý, tăng số môn tập luyện tự chọn trong nhà trường, kết hợp chặt chẽ với tập luyện ngoài nhà trường. Phát triển mạnh các phong trào rèn luyện thân thể. Tăng cường công tác y tế học đường.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng xấu từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu tới sức khỏe. Phát huy hiệu quả các thiết chế, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể thao. Tăng cường tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh; xóa bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống thảm họa, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động; phòng, chống tai nạn, thương tích, cháy, nổ, bệnh nghề nghiệp.

3. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh gắn với đổi mới y tế cơ sở

- Triển khai công tác phòng, chống dịch chủ động, dự báo, phát hiện sớm, không chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra. Giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm tại Cửa khẩu Quốc tế Lệ Thanh, không để dịch bệnh xâm nhập vào tỉnh Gia Lai bùng phát lây lan trong cộng đồng. Đảm bảo các nguồn lực, sẵn sàng ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp. Kiểm soát tình trạng lao và sốt rét kháng thuốc, can thiệp đặc hiệu phòng, chống lao, sốt rét cho các

vùng núi, dân tộc thiểu số. củng cố hệ thống tiêm chủng mở rộng, triển khai hoạt động tiêm chủng dịch vụ.

- Tăng cường phát hiện, quản lý, dự phòng nhiễm HIV và nâng chất lượng dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV. Phát triển y học gia đình. Triển khai đồng bộ các hoạt động dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm; chú trọng dự phòng, nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đẩy mạnh quản lý, điều trị các bệnh không lây nhiễm, bệnh mạn tính, chăm sóc dài hạn tại y tế cơ sở. Triển khai có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mô hình phòng khám bác sĩ gia đình giai đoạn 2017 - 2020 của tỉnh Gia Lai.

- Thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở. Đẩy mạnh công tác kết hợp quân - dân y, quan tâm công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới của tỉnh, đặc biệt đối với các xã biên giới của tỉnh, như: Ia Dom, Ia Nan, Ia Pnôn (huyện Đức Cơ), xã Ia O, Ia Chiã (huyện Ia Grai), xã Ia Púch, Ia Mơ (huyện Chư Prông). Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là ở khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới. Triển khai tốt chính sách bảo hiểm y tế cho người nghèo, cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số vùng kinh tế - xã hội khó khăn và các đối tượng dễ bị tổn thương.

- Từng bước triển khai đồng bộ hệ thống công nghệ - thông tin trong quản lý trạm y tế, quản lý thông tin y tế cơ sở, quản lý tiêm chủng, quản lý bệnh tật; thiết lập hệ thống sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe người dân.

- Đảm bảo các trạm y tế được xây dựng kiên cố và đầy đủ trang thiết bị theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế. Phấn đấu 100% số xã có bác sĩ và nữ hộ sinh trung học, các xã đều có cán bộ có trình độ được để phụ trách công tác dược và có cán bộ được đào tạo về y học cổ truyền. Triển khai các giải pháp nhằm chuẩn hóa và nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế tuyến cơ sở, đặc biệt là bác sĩ ở tuyến xã.

- Tổ chức thống nhất mô hình trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố trực thuộc Sở Y tế theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư số 37/2016/TT-BYT, ngày 25 tháng 10 năm 2016 về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trung tâm y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

4. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, khắc phục căn bản tình trạng quá tải bệnh viện

- Tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, mở rộng quy mô giường bệnh nhằm củng cố, tăng cường năng lực cho các cơ sở khám, chữa bệnh để có đủ khả năng giải quyết một cách cơ bản nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân. Triển khai chương trình mục tiêu phát triển y tế địa phương giai đoạn 2017 -

2020 về hỗ trợ đầu tư các cơ sở khám, chữa bệnh y học hiện đại, thực hiện đề án giảm tải Bệnh viện tỉnh Gia Lai giai đoạn 2016 - 2020.

- Quy hoạch và phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng theo địa bàn dân cư và phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Hoàn thành việc sắp xếp lại mạng lưới phòng khám đa khoa khu vực vào năm 2020. Xây dựng và nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh thành bệnh viện hạng I quy mô tối thiểu 1.000 giường bệnh.

- Triển khai xây dựng Bệnh viện Phụ sản và các bệnh viện vệ tinh chuyên ngành Ung bướu và Tim mạch. Phát triển các dịch vụ kỹ thuật tại các cơ sở khám, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật. Ổn định hoạt động khám, chữa bệnh tại Bệnh viện Nhi. Đồng thời, trong khi tiến hành xây dựng các bệnh viện vệ tinh, trước mắt triển khai Khoa Ung bướu và Khoa Tim mạch tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh, mỗi khoa 50 giường. Tăng chỉ tiêu giường bệnh cho một số đơn vị đang bị quá tải; nâng cấp và phát triển Bệnh viện 331 thành Bệnh viện 03 chuyên khoa (Mắt, Tai - Mũi - Họng, Răng - Hàm - Mặt).

- Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, đặc biệt tại tuyến y tế cơ sở. Phát triển và mở rộng dịch vụ, kỹ thuật y tế tạo điều kiện cho người bệnh tiếp cận với dịch vụ y tế có chất lượng. Thường xuyên tổ chức thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại để nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Duy trì và mở rộng hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh trong khám, chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật.

- Thực hiện lộ trình thông tuyến khám, chữa bệnh; lộ trình liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm, giữa các cơ sở khám, chữa bệnh gắn với nâng cao chất lượng dịch vụ và khuyến khích, tạo điều kiện để người dân được sử dụng dịch vụ ngay tại tuyến dưới.

- Củng cố và phát triển mạng lưới tổ chức y dược cổ truyền từ tỉnh đến cơ sở. Đầu tư phát triển Bệnh viện Y Dược cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh, tiến tới lộ trình triển khai thêm dịch vụ dưỡng lão tại bệnh viện (như một số tỉnh, thành đã thực hiện). Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các khoa y học cổ truyền tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh và huyện; triển khai hoạt động y học cổ truyền tại các trạm y tế; tăng cường kết hợp với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và nâng cao sức khỏe.

- Tập trung đẩy nhanh cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục trong khám, chữa bệnh. Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế; nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc toàn diện người bệnh.

- Quan tâm chăm sóc sức khỏe, khám, chữa bệnh cho các đối tượng chính sách. Phát huy thế mạnh y tế của lực lượng vũ trang; triển khai các mô hình tổ

chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện từng nơi để bảo đảm dịch vụ khám, chữa bệnh cho người dân vùng sâu, vùng xa, biên giới.

5. Đẩy mạnh phát triển ngành dược và thiết bị y tế

- Phát triển mạng lưới phân phối và cung ứng thuốc. Tăng cường quản lý, sử dụng thuốc và trang thiết bị hợp lý, an toàn và hiệu quả; khai thác sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng và sửa chữa trang thiết bị y tế.

- Tổ chức đấu thầu thuốc tập trung theo quy định để chủ động nguồn cung ứng thuốc cho các đơn vị y tế trong toàn tỉnh. Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở kinh doanh thuốc thực hiện tốt GPs, hướng đến năm 2020 tất cả các cơ sở kinh doanh thuốc đều đạt GPs. Đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, vắc xin, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm y tế, máu và chế phẩm máu phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh và phòng, chống dịch bệnh cũng như khi có thiên tai xảy ra. Tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng thuốc, đảm bảo chất lượng thuốc khi đưa vào sử dụng. Quản lý, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.

- Phát triển, quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn dược liệu trồng và tự nhiên có tại tỉnh phục vụ mục tiêu khám, chữa bệnh và kinh tế; chú trọng việc bảo hộ, bảo tồn và phát triển nguồn gen dược liệu quý có giá trị. Quy hoạch các vùng rừng, các vùng dược liệu tự nhiên ở một số huyện, như: Kbang, Đak Đoa, Mang Yang, Chư Păh, Krông Pa, Kông Chro, Ia Grai, Chư Sê, Chư Puh để lựa chọn và khai thác hợp lý các loài dược liệu đặc hữu của tỉnh Gia Lai, như: Mật nhân, Sa nhân tím, Vàng đắng, Hà thủ ô đỏ, Sâm dây.

- Đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, sản xuất kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng giả, kém chất lượng. Kiểm soát chặt chẽ thực phẩm chức năng và hàng hóa có nguy cơ gây hại cho sức khỏe. Tăng cường kiểm soát chất lượng dược liệu ngoại nhập; giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn dược liệu của nước ngoài.

6. Phát triển nhân lực và khoa học - công nghệ y tế

- Khuyến khích và đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học. Tăng cường phối hợp, liên kết với các cơ sở y tế tuyến trên tiếp nhận, chuyển giao các kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực y tế, đặc biệt là các lĩnh vực y học cơ bản, y học kỹ thuật cao, y học lâm sàng, y tế cộng đồng, quản lý y tế. Huy động các nguồn lực để đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa các cơ sở y tế thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe cho nhân dân.

- Thực hiện đãi ngộ xứng đáng đối với cán bộ y tế. Có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao; khuyến khích người có trình độ chuyên môn làm việc tại tuyến y tế cơ sở, các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, biên giới và trong các lĩnh vực y tế dự phòng, pháp y, tâm thần, lao, phong... Chú trọng đào tạo cho đối tượng người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy chế chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp và các hành vi xâm hại đến nhân phẩm và sức khỏe thầy thuốc; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cơ sở y tế.

- Liên kết với các trường đại học của Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Tây Nguyên, Đại học Huế tổ chức đào tạo chuẩn hóa và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ y tế của tỉnh theo hình thức học tập tại chỗ.

7. Đổi mới hệ thống quản lý và cung cấp dịch vụ y tế

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và hội nhập quốc tế, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất xuyên suốt về chuyên môn, nghiệp vụ theo ngành từ tỉnh tới huyện, xã, thôn, làng; đồng thời, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp.

- Thành lập Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Gia Lai (CDC Gia Lai) trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị dự phòng tuyến tỉnh. Thực hiện thống nhất mô hình mỗi huyện có một Trung tâm Y tế thực hiện đa chức năng, gồm: Cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức hệ thống cung ứng dịch vụ y tế theo 3 cấp chuyên môn. Tổ chức hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn gắn với y tế học đường và phù hợp với đặc điểm của từng địa phương. Phát triển mạnh hệ thống cấp cứu tại cộng đồng và trước khi vào bệnh viện.

- Tập trung phát triển hoàn thiện các bệnh viện tuyến tỉnh. Khuyến khích phát triển mạnh mẽ hệ thống bệnh viện, cơ sở chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng ngoài công lập, đặc biệt là các mô hình hoạt động không vì lợi nhuận.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm vi phạm. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hệ thống y tế, trong khám, chữa bệnh, thanh toán bảo hiểm y tế và cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Thực hiện tốt công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích phát triển y tế ngoài công lập. Tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động đối với các bệnh viện tư nhân; khuyến khích phát triển các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tư nhân tại thành phố Pleiku, thị xã An Khê, Ayun Pa và các phòng khám đa khoa ở những nơi tập trung đông dân cư, các khu vực xa cơ sở y tế công lập. Khuyến khích phát triển mô hình “Bác sỹ Gia đình”, mô hình “Chăm sóc sức khỏe tại nhà”. Từng bước thực hiện khám, chữa bệnh tư theo hình thức bảo hiểm y tế.

8. Đổi mới mạnh mẽ tài chính y tế

- Ưu tiên bố trí ngân sách chi cho y tế, tập trung chi cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới và các lĩnh vực phong, lao, tâm thần...

- Thực hiện nguyên tắc y tế công cộng do ngân sách nhà nước bảo đảm là chủ yếu. Khám, chữa bệnh do bảo hiểm y tế và người dân chi trả. Chăm sóc sức khỏe ban đầu do bảo hiểm y tế, người dân và ngân sách nhà nước cùng chi trả; bảo hiểm y tế đối với người lao động phải do người sử dụng lao động và người lao động cùng đóng góp; ngân sách nhà nước bảo đảm đối với một số đối tượng chính sách. Huy động các nguồn lực để thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, quản lý sức khỏe người dân.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý và tổ chức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp y tế công lập theo lộ trình và chủ trương của nhà nước. Đẩy mạnh thực hiện quyền tự chủ về nhiệm vụ chuyên môn, tổ chức bộ máy, nhân sự và tài chính gắn với trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch. Có chính sách ưu đãi về đất đai để khuyến khích các cơ sở y tế đầu tư mở rộng, nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của nhân dân. Thực hiện tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế.

- Đa dạng hoá các hình thức hợp tác công - tư, bảo đảm minh bạch, công khai, cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt công - tư trong cung cấp dịch vụ y tế. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế (kể cả trong chăm sóc sức khỏe ban đầu), tập trung vào cung cấp dịch vụ chất lượng cao, theo yêu cầu.

- Tăng cường quản lý nhà nước, xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm phòng, chống, ngăn chặn và chấm dứt tình trạng lợi dụng chủ trương xã hội hóa để lạm dụng các nguồn lực công phục vụ các “nhóm lợi ích”, tạo ra bất bình đẳng trong tiếp cận dịch vụ y tế.

- Duy trì và triển khai có hiệu quả hoạt động của Quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo tỉnh Gia Lai, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc hỗ trợ về tài chính cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số trong chăm sóc y tế.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Nâng cao năng lực, chất lượng giám định bảo hiểm y tế bảo đảm khách quan, minh bạch. Thực hiện các giải pháp đồng bộ chống lạm dụng, trục lợi, bảo đảm cân đối quỹ bảo hiểm y tế và quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế, cơ sở y tế.

9. Chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y tế. Tiếp tục vận động sự hỗ trợ về tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm của các nước, các tổ chức quốc tế. Phối hợp với nước bạn Campuchia trong phòng, chống các bệnh dịch, như: HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch nguy hiểm, mới nổi khác... Phân đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc về sức khỏe.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, nghiên cứu triển khai thực hiện Nghị quyết 20-NQ/TW và Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện và phổ biến, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tin truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai Nghị quyết 20-NQ/TW và Chương trình này.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Chương trình vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của tỉnh; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, quá trình thực hiện Chương trình, định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (để báo cáo),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Trung ương tại Đà Nẵng (để báo cáo),
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

đã ký

Châu Ngọc Tuấn

CÁC CHỈ TIÊU VỀ SỨC KHỎE CỦA TỈNH GIA LAI
thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25 tháng 10 năm 2017
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII)
(kèm theo Chương trình số 61-CTr/TU, ngày 07 tháng 5 năm 2018)

STT	Chỉ số	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2017	Các chỉ tiêu phần đầu đến năm 2025		Các chỉ tiêu phần đầu đến năm 2030	
					Trung ương	Tỉnh	Trung ương	Tỉnh
1	Giường bệnh/vạn dân	Giường	20,89	24,56	30	28	32	30
2	Tỷ lệ giường bệnh tư nhân	%	0	5,7	10	10	15	15
3	Bác sĩ/vạn dân	Bác sĩ	5,78	7,69	10	09	11	10
4	Dược sĩ đại học/vạn dân	Dược sĩ	0,19	0,53	2,8	01	03	1,5
5	Điều dưỡng viên/vạn dân	Điều dưỡng	8,87	12	25	20	33	25
6	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi	‰	21	15,5	12,5	13,5	10	11
7	Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi	‰	31	25	18,5	22,5	15	20
8	Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi	%	36,1	35	<20	<28	<15	<23
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	%	94,8	97	≥95	97	≥95	≥97
10	Tuổi thọ trung bình	Tuổi	71	71,7	74,5	73	75	73,5
11	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	%	63,8	88	95	95	>95	>95

12	Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe	%	87	90	>90	>90	>95	>95
13	Tỷ lệ trạm y tế tuyến xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm	%	88	90	95	95	100	100
14	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	78	80	>80	>80	>90	>90
	Các chỉ tiêu sau đây phân đầu đạt gần hoặc bằng so với mức chung của cả nước:		Hằng năm Bộ Y tế đều có các cuộc điều tra cấp quốc gia; riêng Gia Lai và nhiều tỉnh, thành khác trong cả nước chưa thực hiện được cuộc điều tra này.					
15	Số năm sống khỏe tối thiểu	Năm			67	67	68	68
16	Tỷ lệ béo phì ở người trưởng thành	%			<12	<12	<10	<10
17	Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi							
	+ Nam	Cm			167	167	168,5	168,5
	+ Nữ	Cm			156	156	157,5	157,5
18	Tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi của hộ gia đình cho y tế	%	35	35	30	30		

